

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
TIẾP NHẬN HỒ SƠ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH SÓC TRĂNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ (13 TT)					
1.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007767.00 0.00.00.H51	Không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 30 ngày, UBND tỉnh xem xét, quyết định: 15 ngày).	Không quy định.	-Luật Nhà ở số 65/2014/QH13; -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
2.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007766.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 20 ngày, UBND	Không quy định.	-Luật Nhà ở số 65/2014/QH13; -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ

			tỉnh xem xét, chấp thuận: 10 ngày).		sung một số điều của các Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
3.	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014. -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
4.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	1.007764.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày.	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014. -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
5.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763.00 0.00.00.H51	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang	Không quy định.	-Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

			trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 13 ngày, UBND tỉnh xem xét, chấp thuận: 07 ngày).		-Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.
6.	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	1.007762.00 0.00.00.H51	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định: 20 ngày làm việc; UBND tỉnh xem xét, chấp thuận: 10 ngày làm việc).	Không quy định.	-Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
7.	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1.007761.00 0.00.00.H51	30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký làm chủ đầu tư (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định: 20 ngày; UBND tỉnh quyết định: 10 ngày).	Không quy định.	-Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
8.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị	1.007757.00 0.00.00.H51	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014. -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

	định số 99/2015/NĐ-CP				
9.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1.007758.00 0.00.00.H51	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014. -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ -Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
10.	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.007750.00 0.00.00.H51	15 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư.	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014. -Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 -Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ
11.	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.007748.00 0.00.00.H51	30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 20 ngày, UBND xem xét, chấp thuận: 10 ngày).	Không quy định.	-Luật Nhà ở năm 2014; Luật Xây dựng số năm 2014 -Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13; -Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ
12.	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	1.006873.00 0.00.00.H51	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ.	Không quy định.	-Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; -Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà

					chung cư.
13.	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	1.006876.00 0.00.00.H51	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ.	Không quy định.	- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư.
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (21 TT)					
1.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	1.007408.00 0.00.00.H51	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính
2.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	1.007409.00 0.00.00.H51	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Lệ phí điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng, mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính
3.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng	1.007394.00 0.00.00.H51	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày

	II, III		hợp lệ.	động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ; - Chi phí sát hạch do tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức xây dựng tổ chức: 500.000đ/lượt sát hạch. Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch (theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	18/6/2015 của Chính phủ -Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng -Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính -Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
4.	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	1.007396.00 0.00.00.H51	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ;	-Luật Xây dựng năm 2014. -Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ -Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày

				- Chi phí sát hạch do tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức xây dựng tổ chức: 500.000đ/lượt sát hạch. Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch (theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	30/6/2016 của Bộ Xây dựng -Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính -Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
5.	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	1.007399.00 0.00.00.H51	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	-Lệ phí cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 75.000 đồng/chứng chỉ; -Chi phí sát hạch do tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện	-Luật Xây dựng năm 2014. -Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ -Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng -Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính -Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính

				cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức xây dựng tổ chức: 500.000đ/lượt sát hạch. Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch (theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	
6.	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	1.007392.00 0.00.00.H51	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Lệ phí cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 75.000 đồng/chứng chỉ;	-Luật Xây dựng năm 2014. -Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ -Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng -Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính -Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
7.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	1.007403.00 0.00.00.H51	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	-Luật Xây dựng năm 2014 -Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ -Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày

					16/7/2018 của Chính phủ
8.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	1.007402.00 0.00.00.H51	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 75.000 đồng/chứng chỉ; - Chi phí sát hạch do tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức xây dựng tổ chức: 500.000đ/lượt sát hạch. Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch (theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
9.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.007401.00 0.00.00.H51	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày

	hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)		hợp lệ.	động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ; - Chi phí sát hạch do tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức xây dựng tổ chức: 500.000đ/lượt sát hạch. Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch (theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).	18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
10.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.007304.00 0.00.00.H51	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	500.000 đồng/chứng chỉ.	-Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi,

					bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
11.	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	1.007391.00 0.00.00.H51	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	250.000 đồng/ chứng chỉ.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây

					dựng; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
12.	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	1.007357.00 0.00.00.H51	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	250.000 đồng/ chứng chỉ.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính

13.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.006949.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
14.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.007145.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND

				của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
15.	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp	1.007187.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
16.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục	1.007203.00 0.00.00.H51	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu,	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân

	đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài			chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
17.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.007197.00 0.00.00.H51	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
18.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng	1.007207.00 0.00.00.H51	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày

	được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài			dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.	30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
19.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)	1.006940.00 0.00.00.H51	- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày. - Đối với các công trình còn lại: không quá 20 ngày.	Theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
20.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế	1.006938.00 0.00.00.H51	Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 20 ngày.	Phí thẩm định: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày

	bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)			quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
21.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)	1.006930.00 0.00.00.H51	<i>* Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:</i> - Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; - Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. <i>* Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</i> - Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; - Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.	Phí thẩm định: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ Tài chính
III. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG (01 TT)					
1.	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu	1.006871.00 0.00.00.H51	Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc	Phí thẩm định:	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và

	xây dựng		kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy.	Theo hướng dẫn tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.	Công nghệ - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính
--	----------	--	---	--	---

IV. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC (02 TT)

1.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011.00 0.00.00.H51	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ Xây dựng quy định chi tiết về chi phí thẩm định đồ án (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị).	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014. - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng
2.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy	1.002701.00 0.00.00.H51	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Bộ Xây dựng quy định chi tiết về chi	- Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014.

	hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		hồ sơ hợp	phí thẩm định đồ án (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị).	- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng
--	--	--	-----------	--	--

V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (04 TT)

1.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	1.002696.00 0.00.00.H51	Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.	Không có.	- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ - Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng - Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
-----------	---	----------------------------	---	-----------	--

2.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	2.001116.00 0.00.00.H51	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng (trong đó: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 13 ngày, UBND tỉnh quyết định: 07 ngày).	Không có.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 05/9/2015 của Chính phủ - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 01/4/2014 của Bộ Xây dựng
3.	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	1.002621.00 0.00.00.H51	Thời hạn sau 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ thông tin (trong đó: Sở Xây dựng kiểm tra: 07 ngày, UBND tỉnh quyết định: 03 ngày).	Không có	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 05/9/2015 của Chính phủ - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 01/4/2014 của Bộ Xây dựng
4.	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân,	1.002515.00 0.00.00.H51	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: Sở Xây dựng kiểm tra, thẩm định hồ sơ: 20 ngày, UBND tỉnh quyết	Không có.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 05/9/2015 của Chính phủ - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày

	tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động		định: 10 ngày).		01/7/2016 của Chính phủ - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 01/4/2014 của Bộ Xây dựng
VI. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (03 TT)					
1.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	1.002630.00 0.00.00.H51	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ: 20 ngày, UBND tỉnh xem xét, chấp thuận: 10 ngày).	Không có.	- Luật Kinh doanh bất động sản số ngày 25/11/2014. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ
2.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002572.00 0.00.00.H51	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).	- Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng
3.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002625.00 0.00.00.H51	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	200.000 đồng	- Thông tư số 10/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 quy định về việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn

					nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư và Thông tư 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 về sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 quy định về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và một số quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
--	--	--	--	--	---

VII. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (03 TT)

1.	Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	1.002580.00 0.00.00.H51	Tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.	Không.	Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ
2.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây	1.002562.00 0.00.00.H51	- Đối với các dự án không phải lấy ý kiến	Không.	Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ

	dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh		thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó: - Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong		
--	--	--	---	--	--

			trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; - Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng		
3.	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.002526.00 0.00.00.H51	- Thời hạn UBND cấp tỉnh xem xét và quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án (trong đó, Sở Xây dựng thẩm định: 20 ngày làm việc; UBND tỉnh xem xét, chấp thuận: 10 ngày	Không có.	Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ

			làm việc). - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư. - Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.		
TỔNG SỐ: 47 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					